TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2018/KDTM-PT
Ngày: 23/3/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Bà **Bùi Ngọc Anh**

Bà **Nguyễn Thu Chinh**

Thư ký phiên tòa: **Bà Phan Thị Thu Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Ông Trần Anh Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử Tòa Kinh tế Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/KDTMPT ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2018/QĐXX-PT ngày 05 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thanh Th,

Địa chỉ: 29/13A khu phố T N 2, phường D A, thị xã D A, Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 449 đường Đ, phường Đ A, quận TA, TpHCM;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Huy H thuộc Văn phòng luật sư Khang Hưng – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị H

aĐịa chỉ: ½ đường L, khu phố R, thị trấn H M, huyện H M, TP.HCM

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu M (Có mặt)

Địa chỉ: 20/15 đường Nh, phường QE, quận V, TP.HCM;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Văn T

Địa chỉ: ½ đường L, khu phố R, thị trấn H M, huyện H M, TP.HCM

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu M (Có mặt);

Địa chỉ: 20/15 đường Nh, phường QE, quận V, TP.HCM;

4. Người kháng cáo: Bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc đươc tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thanh Th có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Trọng N trình bày:

Từ ngày 02/07/2014 đến ngày 30/01/2016 giữa bà Đặng Thị H, ông Lâm Văn T (Chủ cơ sở Trung tâm mua sắm giày dép T H) và và Trần Thanh Th (Chủ cơ sở T Ng) có giao dịch với nhau về việc mua bán hàng hóa là giày dép thành phẩm. Hình thức giao dịch không thông qua hợp đồng kinh tế mà theo hình thức giao nhận hàng và ghi hóa đơn bán lẻ. Khi bên mua có đơn hàng mới, bên bán sẽ báo giá, nếu bên mua đồng ý thì sẽ xác nhận vào đơn đặt hàng, sau đó bên mua có trách nhiệm thanh toán tiền hàng cho bên bán. Quá trình mua bán, từ tháng 8/2015 bà H, ông T đã vi phạm trong việc thanh toán tiền hàng. Ngày 30/01/2016, bà H có ký Bảng đối chiếu công nợ, nội dung xác nhận còn nợ bà Th số tiền 424.716.000 đồng và cam kết trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng và cam kết trả lãi suất 05% trên số tiền hàng còn nợ. Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn không thực hiện như cam kết mà cố tình né tránh thực hiện nghĩa vụ. Nay bà Th yêu cầu bà H và ông T phải thanh toán cho bà Th số tiền hàng còn nợ là 424.716.000 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định tính từ tháng 06/2016 đến tháng 12/2016 là 38.224.000 đồng, tổng cộng là 462.940.000 đồng, thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Đặng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Văn T để tổ chức phiên hòa giải nhưng bà H và ông T vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Ngày 24/08/2017 bà H, ông T ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu M tham gia tố tụng tại tòa. Tại bản tự khai ngày 08/09/2017 ông Mẫn xác định hai bên có phát sinh việc mua bán hàng hóa là giày dép như nguyên đơn trình bày nhưng tổng số tiền hàng ông T, bà H còn nợ bà Th thì không nhớ và chưa được xác nhận cụ thể nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án vì ông cho rằng nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện.

Tại bản án số 68/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thanh Th có đại diện ủy quyền là ông Trần Trọng N yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T trả số tiền hàng hóa còn nợ là 424.716.000 đồng và lãi là 38.224.000 đồng, tổng cộng là 462.940.000 đồng, thi hành trả hết số tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thanh Th số nợ mua bán hàng hóa và lãi là 462.940.000 đồng. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu không đồng ý trả tiền và yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án của bị đơn Đặng Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Văn T.

Kể từ ngày bà Trần Thanh Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T chưa thi hành khoản tiền đã nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trườn tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 22/9/2017, bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 68/2017/KDTM-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là không khách quan, thiếu sự xem xét, đánh giá chứng cứ, vi phạm tố tụng nghiêm trọng.

Tại phiên Toà phúc thẩm các đương sự trình bày:

- *Đại diện ủy quyền của bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu M trình bày lí do kháng cáo:* Phía bị đơn không chấp nhận toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Thứ nhất, theo bản án sơ thẩm buộc bà Đặng Thị H và người liên quan là ông Lâm Văn T phải trả cho bà Trần Thanh Th số tiền là 462.940.000 đồng, nhưng theo chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra, bản đối chiếu công nợ không có chữ ký xác nhận của bà Đặng Thị H và chỉ có đề hẹn mỗi tháng bà H trả 30 triệu đồng. Ông T có ghi trả lãi 5% nhưng không rõ số tiền bao nhiêu và trong quá trình mua bán giữa bà H và bà Th, ông T hoàn toàn không biết và không có chứng nhận của ông T việc mua bán đó. Thứ hai, không chấp nhận việc bản án sơ thẩm buộc ông Lâm Văn T chịu án phí sơ thẩm cùng với bà H. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét lại và làm rõ số tiền nợ. Thứ ba, trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn chưa cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ bà Đặng Thị H.

- Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đối với lý do kháng cáo của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý. Thứ nhất, dựa trên bản đối chiếu công nợ, số tiền nợ được xác nhận cụ thể là 424.716.00 đồng cùng với tiền lãi 5%/tháng, tổng số tiền là 462.940.000 đồng. Thứ hai, nguyên đơn không đồng ý với ý kiến bị đơn trình bày ông T không liên quan đến việc mua bán và không chấp nhận trả tiền nợ. Vì ông T và bà H là vợ chồng, theo luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về số tiền nợ. Chính ông T ký xác nhận trả lãi 5% trên tổng số tiền nợ. Nguyên đơn đề nghị phía Tòa án xem xét giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 68/2017/KDTM-ST ngày 11/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện H M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lâm Văn T và bà Đặng Thị H nộp Tòa án trong thời hạn luật định.

II- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ xác định từ ngày 02/7/2014 đến 30/01/2016 bà H và bà Th có phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa là giày dép thành phẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn và người liên quan cho rằng biên bản đối chiếu công nợ không có chữ ký xác nhận của bà Đặng Thị H và chỉ có đề hẹn mỗi tháng bà H trả 30 triệu đồng. Ông T có ghi trả lãi 5% nhưng không rõ số tiền bao nhiêu, hội đồng xét xử xét thấy: Tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 30/01/2016 đã liệt kê số tiền nợ là 424.716.000 đồng, tại chính văn bản này bị đơn bà Đặng Thị H ký nhận đồng ý mỗi tháng trả 30.000.000 đồng, ông Lâm Văn T ghi đồng ý trả lãi 5% trên tổng số nợ. Do đó ý kiến của bị đơn cho rằng các bên chưa xác nhận tổng số nợ là bao nhiêu là không có căn cứ.

Xét ý kiến kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Lâm Văn T cho rằng ông không biết và không có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn, hội đồng xét xử xét thấy: Trả lời Quyết định số 966/2018/QĐ-CCTLCC ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân TPHCM, Ủy ban nhân dân huyện H M đã cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 41S8015741, ngày 15/10/2012 của hộ kinh doanh T H, đại diện hộ kinh doanh là bà Đặng Thị H, hộ kinh doanh này chấm dứt hoạt động từ ngày 30/3/2016. Như vậy trong quá trình giao dịch mua bán hàng hóa với nguyên đơn thì hộ kinh doanh T H vẫn đang hoạt động kinh doanh. Căn cứ Khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính Phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định: "Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới mười lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh". Phía đại diện của bị đơn và người liên quan cũng thừa nhận ông T và bà H là vợ chồng. Do đó bản án sơ thẩm nhận định ông T và bà H cùng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

III- Về án phí:

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Hoàn lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; Các Điều 280, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Y án sơ thẩm:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thanh Th có đại diện ủy quyền là ông Trần Trọng N yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T trả số tiền hàng hóa còn nợ là 424.716.000 đồng và lãi là 38.224.000 đồng, tổng cộng là 462.940.000 đồng, thi hành trả hết số tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thanh Th số nợ mua bán hàng hóa và lãi là 462.940.000 đồng. Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu không đồng ý trả tiền và yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án của bị đơn Đặng Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Văn T.

Kể từ ngày bà Trần Thanh Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T chưa thi hành khoản tiền đã nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị H, ông Lâm Văn T chịu 22.517.600 đồng thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự. Bà Trần Thanh Th không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thanh Th số tiền tạm ứng đã nộp là 11.258.800 đồng theo Biên lai thu tiền số 0029929 ngày 27/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H M.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T mỗi người phải chịu số tiền án phí là 2.000.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0032647 ngày 29/9/2017 và 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0032648 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H M. Bà Đặng Thị H và ông Lâm Văn T mỗi đương sự phải nộp thêm 1.700.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thu Chinh **Bùi Ngọc Anh** **Biện Thị Hoa**